

SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA NGƯỜI K'HO Ở LÂM ĐỒNG: NHẬN DIỆN TỪ CÁC NGUỒN VỐN

Huỳnh Ngọc Thu⁽¹⁾, Lê Thị Mỹ Hà⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU - HCM)

Ngày nhận bài 26/5/2022; Ngày phản biện 20/7/2022; Chấp nhận đăng 26/8/2022

Liên hệ Email: hnthu76@hcmussh.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2022.04.320>

Tóm tắt

Sinh kế bền vững là vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, mỗi tộc người trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Chiến lược này được đặt ra nhằm khai thác, phát huy các loại vốn như vốn con người, vốn xã hội, vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính của mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng tộc người hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai. Trên cơ sở vận dụng khung phân tích của Cơ quan Phát triển Quốc tế Anh (DFID) cùng nguồn dữ liệu khảo sát thực tế tại cộng đồng K'ho ở Lâm Đồng, bài viết phân tích vấn đề thực trạng về nguồn vốn, để có cái nhìn toàn diện hơn liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển sinh kế bền vững của tộc người này.

Từ khóa: vốn con người, vốn tài chính, vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn xã hội

Abstract

SUSTAINABLE LIVELIHOODS OF THE K'HO PEOPLE IN LAM DONG: IDENTIFICATION FROM CAPITAL SOURCES

Sustainable livelihoods are an important issue in the economic development strategy of each country and each ethnic group in the current globalization context. This strategy aims to promote capital sources such as human capital, social capital, natural capital, physical capital, and financial capital of each country, and each ethnic community towards sustainable development in the future. Based on the application of the analytical framework of the British Agency for International Development (DFID) and the actual survey data in the K'ho community in Lam Dong, the article analyzes the current situation of capital, to have a more comprehensive view regarding the development of strategies for sustainable livelihood development of this ethnic group.

1. Đặt vấn đề

Khái niệm sinh kế bền vững được đề cập đầu tiên trong báo cáo của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (World Commission on Environment and Development –

WCED) vào năm 1987 với nội hàm liên quan đến quyền sở hữu an toàn các nguồn lực và các hoạt động có thu nhập, bao gồm dự trữ và tài sản để bù đắp rủi ro, giảm bớt những cú sốc và đáp ứng các trường hợp dự phòng. Cụ thể như quyền sở hữu đất đai, vật nuôi hoặc cây cối; quyền chăn thả, đánh bắt cá, săn bắn hoặc hái lượm... được bảo đảm. Những vấn đề này cần được duy trì hoặc nâng cao năng suất tài nguyên trên cơ sở lâu dài và bền vững (WCED, 1987). Đến năm 1992, trong bài viết về “Sinh kế nông thôn bền vững: những khái niệm thực tiễn cho thế kỷ 21” Chambers và cộng sự đã đề cập đến khái niệm này một cách rõ ràng hơn với nội dung “sinh kế bền vững là sinh kế có thể đối phó và phục hồi trước những sức ép và cú sốc, duy trì hoặc nâng cao năng lực, tài sản và cung cấp các cơ hội kiếm sống bền vững cho thế hệ tiếp theo, đóng góp lợi ích vào sinh kế khác ở cấp địa phương và toàn cầu cũng như trong ngắn và dài hạn” (Chambers và cs., 1992). Để nghiên cứu, vận dụng, thúc đẩy các hành động liên quan đến sinh kế bền vững, năm 1999 DFID đưa ra khung sinh kế bền vững, trong đó nhấn mạnh đến 5 loại vốn gồm: *vốn con người* (human capital),¹ *vốn xã hội* (social capital),² *vốn tự nhiên* (natural capital),³ *vốn vật chất* (physical capital)⁴ và *vốn tài chính* (financial capital).⁵ Các loại vốn này được xem là tài sản sinh kế của con người, của cộng đồng tộc người, có mối quan hệ tương hỗ, thúc đẩy, chi phối để phát triển hay suy giảm lẫn nhau (DFID, 1999).

Đối với người K’ho, tộc người có các nhóm địa phương như Chil, Lat, Xrê... (Tổng cục Thống kê, 2019), hiện nay chủ yếu cư trú tại tỉnh Lâm Đồng, tập trung đông tại khu Dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang, có dân số là 175.531 người, chiếm 13,5% tổng dân số của tỉnh (Tổng cục Thống kê, 2020), việc xác định các nguồn vốn của họ cho sự phát triển sinh kế bền vững đang là vấn đề quan tâm của các nhà quản lý. Điều này được thể hiện cụ thể qua Quyết định số 786/QĐ-UBND về việc *Phê duyệt kế hoạch 05 năm (2018-2022) quản lý khu Dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang* được ban hành vào ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Một trong những mục tiêu chung của Quyết định này là nhấn mạnh đến việc “*Thiết lập cơ chế hợp tác liên ngành nhằm bảo vệ, duy trì và phát triển các dịch vụ hệ sinh thái, bảo đảm phúc lợi của người dân và phát triển kinh tế, gắn liền với các mục tiêu phát triển bền vững của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam*”; và một trong những mục tiêu cụ thể là “*Xây dựng mô hình sinh kế bền vững gắn với bảo tồn trong Khu Dự trữ sinh quyển*” (UBND tỉnh Lâm Đồng, 2018). Do đó, nghiên cứu để xác định rõ thực trạng nguồn vốn của tộc người này nhằm gợi ý chính sách cho việc góp phần phát triển sinh kế bền vững của họ trong tương lai là vấn đề quan trọng và cấp thiết hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tại khu vực Lang Biang của tỉnh Lâm Đồng, người K’ho được xem là cư dân tại chỗ của vùng đất này. Do bởi, vùng cao nguyên Lâm Viên và một phần của cao nguyên B’lao (nay thuộc địa phận của khu vực Lang Biang) là địa bàn cư trú lâu đời của họ. Tại vùng đất này, hiện nay họ sống chủ yếu dựa vào canh tác nương rẫy, buôn bán nhỏ và

làm dịch vụ. Ngoài ra, họ còn tham gia dịch vụ giữ rừng để nhận thù lao từ chính phủ và khai thác lâm sản ngoài gỗ trong những cánh rừng do họ canh giữ. Cơ sở hạ tầng ở đây phát triển tốt. Đời sống kinh tế của người dân tương đối ổn định. Trong năm 2019, GRDP (*Gross Regional Domestic Product*) bình quân từng người ở tỉnh Lâm Đồng đạt 66,79 triệu đồng/người/năm (tương đương 2,904 USD), tăng 12,98% so với năm 2018 (Cục thống kê tỉnh Lâm Đồng, 2019). Tuy nhiên, nếu so với các tộc người khác, kinh tế nói chung và sinh kế nói riêng của người K'ho ở khu vực này không phát triển bằng và bị xem là đang trong tình trạng khó khăn.

Để có nguồn dữ liệu nghiên cứu về các nguồn vốn của tộc người K'ho, chúng tôi đã thực hiện điền dã từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 tại huyện Lạc Dương và huyện Đam Rông của tỉnh Lâm Đồng. Các phương pháp thu thập dữ liệu được sử dụng gồm quan sát tham dự, phỏng vấn sâu những người cung cấp thông tin quan trọng (key informants) và những cuộc trao đổi không chính thức với nhiều người dân K'ho ở khu vực này. Ngoài ra chúng tôi còn thực hiện khảo sát bảng hỏi đại trà. Về quan sát tham dự, chúng tôi cùng với cộng tác viên sống tại nhà của người K'ho trong thời gian nghiên cứu thực địa, cùng tham gia vào cuộc sống của họ như cùng lên rẫy quan sát cách làm việc. Dữ liệu thu thập từ phương pháp này được ghi chép theo hình thức nhật ký điền dã, sau đó tổng hợp, phân tích trong nội dung bài viết. Với phỏng vấn sâu, tôi chọn 5 người làm thông tin viên chính. Họ là già làng và những người có uy tín trong cộng đồng. Người lớn tuổi nhất trong 5 người này là 60 tuổi và nhỏ nhất là 52 tuổi. Cả 5 người đều là nam giới. Chúng tôi cũng nói chuyện thêm với nhiều người dân (cả nam và nữ) là tín đồ Tin Lành trong suốt thời gian nghiên cứu thực địa của mình. Những người này ở độ tuổi từ 40 đến 55, là chồng hoặc vợ trong gia đình hạt nhân tại cộng đồng. Nội dung của những cuộc phỏng vấn sâu và nói chuyện được xoay quanh các vấn đề như kinh tế, văn hóa, giáo dục của cộng đồng và của gia đình họ. Đối với bảng hỏi, chúng tôi đã khảo sát được 200 bảng hộ gia đình theo nguyên tắc thuận tiện nhằm để có những dẫn chứng cụ thể về số liệu cho các nhận định mang yếu tố định tính được thể hiện trong bài viết. Nội dung của bảng hỏi tập trung vào vấn đề kinh tế, giáo dục, y tế của cộng đồng và gia đình.

Bên cạnh nguồn dữ liệu được thu thập từ cộng đồng nêu trên, tôi còn tham khảo thêm nguồn dữ liệu thứ cấp từ các công trình nghiên cứu, sách và các bài tạp chí của các tác giả đã nghiên cứu về chủ đề này.

3. Kết quả nghiên cứu

Từ các nguồn dữ liệu khảo sát trong quá trình điền dã tại cộng đồng và tham khảo dữ liệu báo cáo, dữ liệu thứ cấp đã được công bố, kết quả cho thấy thực trạng về các nguồn vốn liên quan đến phát triển sinh kế bền vững của người K'ho hiện nay như sau:

3.1. *Vốn con người*

Nguồn vốn này của người K'ho được phân tích trên ba khía cạnh là giáo dục, sức khỏe và kỹ năng trong hoạt động sinh kế của họ.

– *Đối với giáo dục*: Hiện nay, ở khu vực Lâm Đồng nói chung và tại khu vực cư trú của các nhóm địa phương người K’ho nói riêng, giáo dục theo hệ thống nhà nước đã phát triển đến từng thôn, xã với các cấp bậc khác nhau như mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở... Khảo sát chung về trình độ học vấn của người dân ở khu vực Lang Biang, tỉnh Lâm Đồng cho thấy, cấp học của các nhân khẩu đa phần ở bậc phổ thông (chiếm từ 20 đến trên 26% tổng nhân khẩu). Tổng tỷ lệ mù chữ và biết đọc, biết viết chiếm hơn 12% (Dữ liệu bảng hỏi, 2019). Khi phân tích trình độ học vấn của người K’ho, kết quả cho thấy, tỷ lệ có trình độ phổ thông chiếm 16%, ít hơn so với tỷ lệ chung. Ngược lại, tỷ lệ mù chữ trong cộng đồng K’ho lại cao hơn nhiều (25%) so với tỷ lệ chung là 12% (Dữ liệu bảng hỏi, 2019). Điều này được giải thích là do người K’ho có sự yếu thế hơn về khả năng tiếp cận hệ thống giáo dục của nhà nước, do địa bàn cư trú xa, phương tiện đi lại khó khăn, cách tiếp cận ngôn ngữ phổ thông của họ bị hạn chế... nên đã tác động không nhỏ đến vấn đề giáo dục và sự phát triển, nâng cao trình độ học vấn của họ so với các tộc người khác, đặc biệt là so với người Kinh ở đây. Mặc dù trong nhiều năm qua, nhà nước và chính quyền địa phương cũng đã quan tâm không ít trong việc phát triển hệ thống giáo dục, đặc biệt là giáo dục tiểu học và phổ thông dành cho cộng đồng tộc người thiểu số tại chỗ. Sự quan tâm này đã và đang đem đến kết quả trong việc nâng cao trình độ học vấn của họ, nhưng vẫn không thể so sánh với người Kinh trong khu vực. Đây là một trong những khoảng cách cần được cải thiện để hướng đến việc phát triển bền vững trong tương lai của người K’ho nói riêng và các tộc người thiểu số tại chỗ nói chung ở khu vực này.

– *Đối với y tế và chăm sóc sức khỏe*: Trong truyền thống, nhận thức của người K’ho về vấn đề bệnh tật là do sự trừng phạt của thần linh, hay do ma quỷ quấy phá, hoặc do tổ tiên của họ “đòi ăn”. Nên để chữa bệnh, họ thường tìm đến thầy cúng. Tuy nhiên, quan niệm này đã dần thay đổi khi có sự xuất hiện của hệ thống y tế nhà nước. Hiện nay, đa phần người K’ho đều biết, khi cơ thể mệt mỏi, sự biến đổi của thời tiết và việc ăn uống không hợp vệ sinh là những nguyên nhân gây nên bệnh tật. Họ đến trạm y tế thôn, xã hoặc lên bệnh viện cấp huyện, tỉnh để được chữa trị. Hiện nay, đa phần người K’ho ở Lâm Đồng đều có bảo hiểm y tế do nhà nước cấp. Họ sử dụng bảo hiểm này để được miễn, giảm tiền thuốc và viện phí. “*Mỗi lần bị bệnh thường đến trạm y tế xã lấy thuốc, nhà nước cấp cho mỗi người một cái bảo hiểm y tế để dùng. Bây giờ, mọi người ít khi hái mấy cây lạ về làm thuốc, vì có thuốc Tây rồi. Mấy cây thuốc đó phải đi kiếm trong rừng.*” (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019). Điều này cho thấy, vấn đề y tế và chăm sóc sức khỏe của người dân ở đây nói chung và người K’ho nói riêng đã được cải thiện nhờ sự quan tâm của nhà nước và sự phát triển hệ thống y tế ở địa phương. Khi có sức khỏe, hoạt động sinh kế của họ sẽ không bị ảnh hưởng và có khả năng phát triển tốt.

– *Vấn đề kỹ năng sinh kế*: Sinh kế của người K’ho hiện nay chủ yếu dựa vào hai loại hình là khai thác tự nhiên rừng và sản xuất.

+ *Đối với khai thác tự nhiên rừng*: Người K’ho khai thác lâm sản ngoài gỗ như trái cây, hạt, rau, cá, cây thuốc, dầu, nhựa, vỏ cây, tre, mây, song, cỏ, nấm, động vật nhỏ... Trong quá khứ, lâm sản ngoài gỗ có giá trị quan trọng với cuộc sống của họ. Do bởi, họ

sống phụ thuộc vào rừng, nên việc khai thác sản phẩm này là công việc thường xuyên để mưu sinh. Họ xây dựng nên hệ tri thức tộc người, để áp dụng cho việc khai thác và bảo tồn. Chính vì thế, sau nhiều thế hệ sinh tồn cùng với môi trường tự nhiên rừng, nhưng những cánh rừng bạt ngàn ở đây vẫn không suy giảm. Nhưng sau 1975 với sự xuất hiện ngày một đông các tộc người di cư đến, rừng ở đây đã bị xâm hại bởi việc khai phá trái phép. *“Những người mới đến họ không có đất. Họ tự đi khai phá, đôi lúc họ cũng phá luôn cả rừng cấm của mình, nhưng mình không có quyền phạt họ nữa, vì nhà nước quản lý rồi”* (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019). Bên cạnh đó, sự xuất hiện “giá trị tiền tệ” làm phát triển hoạt động mua bán trong cộng đồng, như bán rẫy, bán nông sản, bán gia súc, bán sản vật... diễn ra ngày càng nhiều hơn trong cộng đồng K’ho. Trong đó, việc khai thác lâm sản trái phép để bán lấy tiền đã từng xảy ra trong bộ phận nhỏ thanh niên người K’ho. Ngoài ra, họ còn khai thác lâm sản ngoài gỗ để bán, đặc biệt là khai thác đẳng sâm, mật ong, linh chi... bán cho người Kinh, người Hmông. Lúc này, nhận thức về rừng và bảo tồn rừng của người K’ho cũng thay đổi. Họ không nghĩ đến việc bảo tồn sản vật rừng như trước. *“Khi vào rừng, đào được củ nào thì lấy củ đó, cũng không chú ý đến việc phải trông lại, vì là của rừng mà”* (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019). Do đó, nhà nước đã và đang phải tuyên truyền với người dân trong việc bảo vệ rừng.

+ Đối với sản xuất: Người K’ho chủ yếu là trồng trọt trên rẫy. Trong quá khứ, họ canh tác theo hình thức là luân khoảnh (theo lối du canh) với công cụ thô sơ và kỹ thuật đơn giản như chọn rẫy, phát rẫy, phơi khô, đốt rẫy, gieo trồng, làm hàng rào, làm cỏ, thu hoạch. Sản phẩm trồng trên rẫy chủ yếu là lúa và thêm các loại như ngô (bắp), cây bông vải, bầu, bí, khoai, thuốc lá... nhằm đáp ứng nhu cầu sinh tồn theo hướng tự túc. Ngày nay, canh tác trên rẫy vẫn là hoạt động sinh kế phổ biến của người K’ho. Nhưng cách thức canh tác và cây trồng trên rẫy đã thay đổi. Họ chuyển sang hình thức thâm canh, khai thác và sản xuất lâu dài trên một mảnh đất. Họ đào các hố quanh rẫy để giữ nước cho cây trồng, dùng phân hữu cơ hoặc phân hóa học để bón lót cho cây trồng mới, phân Ure, NPK... để bón cho cây phát triển và kết trái tốt... Họ giảm bớt việc trồng các loại cây lương thực mà chuyển mạnh sang trồng cà phê, rau, củ quả... Công cụ được sử dụng trong sản xuất hiện nay là máy cày, máy bơm nước, máy bóc vỏ cà phê... để tăng hiệu quả. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện gia đình mà số lượng máy móc được trang bị nhiều hay ít. Điều này cho thấy, kỹ năng trong hoạt động sinh kế của người K’ho ở Lâm Đồng đã thay đổi theo hướng cải tiến (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019). Kỹ năng này được học hỏi từ những tộc người xung quanh, đặc biệt là học từ các cán bộ khuyến nông, cán bộ tuyên truyền...

3.2. Vốn xã hội

Nguồn vốn này được xem xét trong mối quan hệ gia đình và cộng đồng xã hội ở tộc người K’ho.

– *Quan hệ gia đình*: Gia đình của người K’ho theo cấu trúc gia đình mẫu hệ. Thành viên trong gia đình tính theo dòng họ mẹ. Những vấn đề quan trọng trong gia đình sẽ do người mẹ lớn tuổi cùng các chị, em gái của bà quyết định; người đàn ông đã có vợ (ông

cậu) sẽ góp ý kiến. Trong truyền thống, người K’ho sống theo mô hình đại gia đình, gồm nhiều thế hệ. Trong mỗi gia đình, cá nhân được giáo dục cách sống, cách lao động để sinh tồn. Sau năm 1975, do tác động của chính sách nhà nước qua hình thức kê khai nhân khẩu để thực hiện các dự án cấp đất ở, nhà ở và đất sản xuất (từ những năm 1990 đến nay), nên họ tách ra thành những gia đình riêng lẻ. Theo đó, cơ cấu “gia đình hạt nhân” (hai thế hệ) đã trở nên phổ biến trong cộng đồng. Tuy nhiên, nguyên tắc gia đình mẫu hệ vẫn được duy trì. Các thành viên trong đại gia đình truyền thống vẫn có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

– *Quan hệ xã hội*: Xã hội truyền thống của người K’ho được thiết lập khép kín trong bon. Quản lý xã hội trong bon là già làng (cau kwang bon) (Phạm Thanh Thôi, 2014). Ông là người lớn tuổi, thể hiện sự hiểu biết về phong tục, tập quán của cộng đồng và có uy tín vượt trội hơn những người khác. Những việc quan trọng trong bon đều do già làng quyết định trên nguyên tắc của luật tục. Bên cạnh già làng, thầy cúng (bhum) cũng là người có vai trò ảnh hưởng đến cộng đồng. Ông tự cho mình có khả năng “siêu việt”, có thể tiếp xúc với thần linh, đề đạt nguyện vọng của người dân bằng việc thực hiện nghi lễ. Ông còn có khả năng chữa bệnh thông qua việc cầu cúng thần linh (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019).

Sau năm 1975, các bon của người K’ho được tổ chức lại theo từng thôn/ấp và việc quản lý thôn/ấp trở thành công việc của nhà nước. Quyền quản lý xã hội và công việc trong thôn/ấp phụ thuộc vào cán bộ chuyên trách. Họ là *trưởng thôn* hoặc *trưởng ấp* do người dân tin tưởng bầu lên theo nhiệm kỳ hai năm rưỡi. Những người được tín nhiệm thường phải có trình độ học vấn, có khả năng giao tiếp và tuổi đời tương đối trẻ (từ 25 đến 40 tuổi) (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019). Bên cạnh trưởng thôn/ấp còn có công an thôn, hội phụ nữ, đoàn thanh niên... trở thành tổ chức đoàn thể để thực thi các chính sách xã hội và quản lý xã hội của nhà nước. Chính cơ cấu này, nên vai trò của già làng không được thể hiện nhiều trong quản lý xã hội. Có một số già làng muốn biểu thị uy quyền của mình phải tham gia vào một số tổ chức như Hội người Cao tuổi, Hội nông dân, Hội khuyến nông, hoặc Hội đồng già làng... Hiện nay, chức sắc tôn giáo (linh mục, mục sư) cũng là những người có uy tín trong cộng đồng K’ho. Họ luôn được người dân tin tưởng nhờ giúp đỡ, giải quyết những điều bất hòa trong cộng đồng. Do bởi, chức sắc tôn giáo là người chủ lễ của cộng đồng và cũng là người kêu gọi sự giúp đỡ từ bên ngoài cho cộng đồng, như cứu trợ, thăm bệnh, làm từ thiện... (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019).

Như vậy, quan hệ xã hội của người K’ho hiện nay là quan hệ gia đình, tôn giáo và với chính quyền địa phương, đoàn thể... Các mối quan hệ này tạo ra nguồn vốn xã hội khác nhau và có sự ảnh hưởng khác nhau trong sinh kế của họ. Quan hệ trong gia đình và tôn giáo mang đến sự tương hỗ lẫn nhau giữa các thành viên. Mối quan hệ này có khả năng giúp đỡ sự phát triển sinh kế, nhưng ở mức độ vừa phải. Còn mối quan hệ với chính quyền, đoàn thể trong cộng đồng được xem là quan trọng, có thể tạo cơ chế, tạo chính sách để phát triển, hỗ trợ nguồn vốn,... cho họ phát triển bền vững sinh kế trong tương lai.

3.3. *Vốn tự nhiên*

Đối với người K'ho ở Lâm Đồng, nguồn vốn này được nhìn dưới góc độ vốn tự nhiên của rừng và đất đai canh tác của họ.

– *Vốn tự nhiên của rừng*: Vốn này bao gồm nguồn động thực vật có trong rừng tự nhiên ở Lang Biang. Đây là rừng nguyên sinh, có hệ sinh thái đa dạng, với hệ động thực vật phong phú, được đánh giá là một trong bốn trung tâm đa dạng sinh học của Việt Nam. Các giá trị đa dạng sinh học nổi bật chứa đựng trong khu vực này mang tính toàn cầu. Các nhà khoa học đã ghi nhận, nơi đây có 153 loài động thực vật nằm trong Sách Đỏ Việt Nam vào năm 2007 và 154 loài có tên trong Danh Lục Đỏ IUCN vào năm 2010. Cơ quan bảo vệ động vật hoang dã thế giới (WWF) cũng xác định, nơi đây là khu vực ưu tiên bảo tồn số 1 (Khu vực SA3) trong Chương trình bảo tồn các dãy núi chính Nam Trường Sơn của Việt Nam (Bidoup, 2018).

Với người K'ho, rừng Lang Biang có vai trò quan trọng, vì đây là nơi cung cấp nguồn sống cơ bản đầu tiên của họ. Trong quá khứ, họ xem rừng là tài sản của cộng đồng, do chính cộng đồng làm chủ, và luôn phải bảo vệ rừng. Họ có những qui định về khai thác và bảo vệ rừng rất rõ bằng cách chia rừng thành hai loại: *rừng thiêng* (không được xâm phạm) và *rừng khai thác* (có thể săn bắt, khai phá để canh tác) (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019). Hai loại rừng này luôn được nhắc đến trong nguyên tắc khai thác rừng của các cư dân tại chỗ mà chúng tôi nghe được trong các câu chuyện kể của các già làng khi nghiên cứu tại cộng đồng. Sau khi Lang Biang trở thành khu Dự trữ sinh quyển thế giới vào năm 2015, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành nhiều quyết định để quản lý, bảo tồn, khai thác, phát triển khu vực này như Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2017 *Phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*; Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc *Phê duyệt kế hoạch 05 năm (2018-2022) quản lý khu DTSQ thế giới Lang Biang...* Các quyết định này đã được thực thi. Nhưng, rừng Lang Biang vẫn là nguồn sống quan trọng của người K'ho ở đây. Do đó, họ vẫn phải sống dựa vào môi trường rừng và có những hoạt động kinh tế nhất định phù hợp với chính sách của nhà nước. Đó là chương trình *phí chi trả dịch vụ môi trường rừng*. Đây là hoạt động được đưa ra trong Nghị định số 99/2010/CD-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ. Người K'ho tham gia vào dịch vụ này và xem đó như một loại hình sinh kế liên quan đến rừng.

Việc trả phí cho dịch vụ này diễn ra trước năm 2015. Nhưng hình thức này chỉ được nhân rộng và tổ chức chặt chẽ hơn khi Lang Biang trở thành khu dự trữ sinh quyển thế giới. Theo báo cáo của UBND tỉnh Lâm Đồng, đối tượng được chi trả dịch vụ môi trường rừng gồm nhiều đơn vị, đặc biệt có hơn 2.000 hộ dân các tộc người thiểu số, trong đó đa phần là người K'ho được tham gia dịch vụ này với tổng diện tích bảo vệ rừng trên địa bàn là 379.660ha (UBND thị trấn Lạc Dương, 2017).

Qua khảo sát, chúng tôi thấy trung bình mỗi hộ được quản lý khoảng 25ha rừng. Cứ 10 hộ hình thành một tổ, nếu cộng đồng đông sẽ là 20 hoặc 25 hộ/tổ. Mỗi tổ có một tổ

trưởng và một tổ phó do các tổ viên bầu ra để chịu trách nhiệm với bộ phận lâm nghiệp của xã. Điều kiện để được tham gia vào tổ là những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, ít đất canh tác, có nhân khẩu lao động trên 20 tuổi (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019). Công việc của họ là bảo vệ lâm sản, phòng chống cháy rừng, không cho người lạ xâm hại diện tích rừng thuộc khu vực mình quản lý, kể cả bản thân cũng không được xâm hại đến rừng của mình. *“Chính sách của nhà nước là khoán rừng cho người dân bảo vệ, không thuộc sở hữu của riêng ai. Mỗi hộ chăm sóc và bảo vệ 20-35ha rừng, khu vực của hộ nào bị phá hoại thì hộ đó bị giảm tiền bảo vệ rừng, thậm chí không được bảo vệ rừng tiếp. Từ tháng 1 đến tháng 3 hằng năm là mùa khô hạn, các hộ được cử đi trực cháy rừng, mỗi ngày có 2-3 người vào rừng trực cháy, đảm bảo không có rủi ro xảy ra trong mùa khô hạn”* (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019).

Khi tham gia dịch vụ này, mỗi hộ được trả một khoản kinh phí nhất định. Theo người dân, khi Lang Biang chưa phải là khu dự trữ sinh quyển thế giới, việc giữ rừng được trả 190 ngàn/1 ha/1 năm; nhưng từ năm 2016, số tiền này tăng lên 450 ngàn/1 ha/1 năm, và được trả theo quý. Mỗi quý trả một lần thông qua cán bộ lâm nghiệp xã. Đây được xem là nguồn thu nhập tương đối ổn định với gia đình. Nguồn thu nhập này có thể giải quyết được vấn đề cơ bản về lương thực trong cuộc sống của họ. *“Việc giữ rừng cũng đem lại một phần thu nhập cho người dân. Mỗi hộ cứ 3 tháng được lãnh trung bình 3 đến 4 triệu đồng, tùy vào diện tích rừng. Số tiền này cũng đủ mua gạo, muối; nếu chịu khó làm thêm thì cũng không bị đói”* (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019).

Bên cạnh phí dịch vụ này, người K’ho còn khai thác thêm lâm sản ngoài gỗ mà không bị cấm, như cá dưới suối, rau rừng, trái rừng, nấm, cây thuốc... Các sản vật này được khai thác trong những cánh rừng do họ quản lý. Tùy theo loại và số lượng khai thác được, họ để dành sử dụng hoặc bán cho người thu mua để có thêm thu nhập. Khi nói về thu nhập, người dân kể rằng, *“một năm gia đình hái nhiều nhất là nấm linh chi, được khoảng 12kg, thu nhập có được 2,4 triệu đồng/năm; cộng thêm nấm chân vịt (10kg), nấm gỗ (20kg) cũng có được 3,2 triệu; ngoài ra, còn đi lấy mật ong, đẳng sâm để có thêm được vài triệu, cộng với phí dịch vụ môi trường rừng và canh tác trên rẫy sẽ đủ sống”* (Tư liệu đề tài, 2018 và 2019). Điều này cho thấy, việc khai thác và bán các sản vật thu được từ rừng cũng là nguồn thu tương đối quan trọng. Đây cũng được xem là nguồn vốn quan trọng của người K’ho hiện nay trong đời sống sinh kế của họ.

– *Đất canh tác*: Khảo sát bằng bảng hỏi vào năm 2019 cho thấy (Dữ liệu bảng hỏi, 2019), người dân ở đây có ba loại đất chính để sản xuất là đất vườn, đất rẫy nông nghiệp và đất trồng rừng. Hầu hết các hộ dân đều có đất vườn, nhưng có diện tích canh tác khác nhau. Người K’ho có diện tích ít hơn so với người Kinh và nhóm các tộc người khác trong khu vực. Nhưng đối với đất rẫy, họ lại có diện tích canh tác nhiều hơn. Người K’ho ở đây còn có đất trồng rừng do nhà nước giao để thực hiện việc tái tạo rừng cho khu dự trữ sinh quyển Lang Biang. Đây cũng được xem là nguồn vốn quan trọng để người K’ho phát triển sinh kế của họ theo hướng bền vững. Tuy nhiên, đối với người K’ho, nguồn vốn này không thể phát triển thêm do sự tác động của chính sách về bảo tồn khu dự trữ sinh quyển thế giới cũng như vấn đề thương mại hóa khi họ bán dần quyền sử dụng đất của họ cho các tộc người khác...

3.4. Vốn vật chất

Vốn này bao gồm cơ sở hạ tầng cơ bản và trang thiết bị kỹ thuật hỗ trợ sinh kế. Đây có thể xem là nguồn vốn chung của toàn bộ cư dân ở khu vực Lâm Đồng hiện nay.

Theo công thông tin của UBND tỉnh Lâm Đồng (UBND tỉnh Lâm Đồng, 2021), hiện nay hệ thống đường bộ của tỉnh tương đối dày và phân bố khá đều khắp trong tỉnh, cho phép các phương tiện giao thông có thể đến được hầu hết các xã và đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân. Bên cạnh đó, sân bay Liên Khương của tỉnh có khả năng tiếp nhận nhiều loại máy bay có trọng tải lớn, đảm bảo nhu cầu đi lại, vận chuyển của nhân dân từ Đà Lạt đi Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại. Ngành bưu chính – viễn thông của Lâm Đồng cũng rất phát triển với công nghệ hiện đại và giá trị sản xuất tăng nhanh. Đây được xem là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lâm Đồng hiện nay và trong tương lai. Ngoài ra, mạng lưới truyền tải điện của tỉnh đã được cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới. Hiện nay 11 trên 11 huyện, thị xã, thành phố và đại bộ phận các xã của tỉnh Lâm Đồng đều có điện lưới quốc gia.

Như vậy, với nguồn vốn vật chất chung của tỉnh, người K'ho ở khu vực này được hưởng thành quả phát triển của nguồn vốn này. Đây cũng là cơ sở tốt để họ cùng các tộc người khác phát triển bền vững sinh kế của họ trong tương lai.

3.5. Vốn tài chính

Nguồn vốn này được thể hiện qua khả năng kinh tế của người K'ho hiện nay. Kết quả phân tích 200 bảng hỏi cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo của người K'ho là 15%, trong khi đó hộ nghèo của người Kinh ở khu vực này chỉ khoảng 2% (Dữ liệu bảng hỏi, 2019). Nguyên nhân của sự khác biệt này có thể xem xét dưới khía cạnh như số lượng nhân khẩu, vấn đề thu nhập trong gia đình.

– *Về nhân khẩu trong gia đình*: số người càng nhiều, tình trạng kinh tế của gia đình càng khó khăn. Phân tích cụ thể cho thấy, người K'ho có số nhân khẩu trong mỗi gia đình khá nhiều (từ 7 người trở lên trong một gia đình chiếm tỷ lệ trên 50% tổng số hộ được khảo sát); trong khi đó, nhân khẩu trong gia đình của người Kinh cùng khu vực chỉ từ 1 đến 4 người (chiếm trên 63% tổng số hộ khảo sát) (Dữ liệu bảng hỏi, 2019). Kết quả cho thấy, tình trạng nghèo và cận nghèo của các hộ thường rơi vào những gia đình có đông thành viên.

– *Về thu nhập* liên quan đến chi tiêu cũng ảnh hưởng đến tình trạng kinh tế của họ. Khi phân tích về việc thiếu, đủ từ thu nhập đến chi tiêu của từng tộc người, cho thấy, đa số hộ người Kinh đều trả lời từ đủ (chiếm 66,0%) đến dư (chiếm 23,5%), chỉ trên 10% cho rằng thiếu. Trái lại, người K'ho đều cho rằng thiếu, với tỷ lệ từ 53% đến gần 70% (Dữ liệu bảng hỏi, 2019).

Kết quả này cho thấy, nguồn vốn tài chính của người K'ho hiện nay không tốt, do bởi điều kiện kinh tế của tộc người này đang ở tình khó khăn. Vì thế, họ không thể có nguồn vốn tài chính tốt để đầu tư cho sự phát triển bền vững sinh kế của họ.

Như vậy, từ việc phân tích 5 nguồn vốn cơ bản trong tài sản sinh kế của người K'ho nêu trên cho thấy, họ có thể chỉ mạnh về nguồn vốn con người vì có cơ sở để phát triển thêm nguồn vốn này do chính sách đầu tư phát triển của nhà nước mà cụ thể là của tỉnh Lâm Đồng hiện tại cũng như trong tương lai. Họ cũng thừa hưởng tốt về nguồn vật chất, vì đây là nguồn vốn chung của khu vực do nhà nước đầu tư phát triển. Còn các nguồn vốn khác như vốn xã hội, vốn tự nhiên, vốn tài chính chỉ có thể duy trì ở mức trung bình và đôi khi có nguy cơ suy giảm trong tương lai. Nếu phân tích về tài sản sinh kế của người K'ho hiện nay theo mô hình 5 nguồn vốn của DFID đưa ra vào năm 1999, thì việc tiếp cận nguồn vốn con người của người K'ho là mạnh nhất, còn những nguồn vốn khác yếu hơn rất nhiều, đặc biệt là vốn tài chính đang là một trở ngại lớn và khó khăn đối với họ. Nên, vấn đề đặt ra cho việc phát triển sinh kế bền vững của người K'ho ở Lâm Đồng hiện nay là cần những giải pháp để phát triển các nguồn vốn của tộc người này ở tương lai nhằm đạt được mô hình ngũ giá đều trong tài sản sinh kế của họ.

4. Kết luận

Phát triển sinh kế bền vững cần chú trọng đến các nguồn vốn mà mỗi người, mỗi cộng đồng tộc người tích lũy được. Tùy theo mỗi người, mỗi cộng đồng tộc người cụ thể mà các nguồn vốn được tích lũy, phát triển khác nhau. Sự khác nhau đó là do bởi nhiều yếu tố tác động như chính sách nhà nước, văn hóa, lịch sử tộc người, khu vực cư trú...

Người K'ho ở Lâm Đồng, nguồn vốn cơ bản của họ hiện nay nếu so với người Kinh trong cùng khu vực không thể phát triển bằng. Trong đó, yếu và thiếu nhất là nguồn vốn tài chính. Nguồn vốn tự nhiên cũng không còn phong phú như trong truyền thống và có khả năng giảm đi trong tương lai do sự ảnh hưởng của chính sách bảo tồn tài nguyên rừng, thương mại hóa,... Các nguồn vốn còn lại có xu hướng ổn định và có khả năng phát triển do sự đổi mới, quan tâm của nhà nước và chính quyền địa phương. Để có thể hướng đến việc phát triển bền vững tộc người nói chung và phát triển sinh kế bền vững nói riêng của tộc người này, chính bản thân tộc người K'ho cần nỗ lực hơn nữa, ngoài ra cũng cần có sự quan tâm, đầu tư phát triển hơn nữa của nhà nước. Từ đó, họ sẽ có phương cách tốt hơn để dần cải thiện và phát triển các nguồn vốn của họ, góp phần vào sự ổn định sinh kế tộc người và phát triển bền vững trong tương lai.

Chú thích:

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số B2022-18b-02.

- (1) Vốn con người: Được thể hiện qua kiến thức, khả năng lao động và sức khỏe của con người, của cộng đồng tộc người nhằm theo đuổi các chiến lược sinh kế khác nhau và đạt được các mục tiêu sinh kế của họ.*
- (2) Vốn xã hội: Được xác định là các nguồn lực xã hội mà con người sử dụng để theo đuổi các mục tiêu sinh kế như quan hệ xã hội, mạng lưới xã hội, độ tin cậy lẫn nhau trong xã hội, khả năng tiếp cận và mở rộng với các tổ chức lớn hơn như cơ quan chính quyền, các tổ chức đoàn thể...*

- (3) *Vốn tự nhiên*: Được dùng để chỉ nguồn tài nguyên thiên nhiên hữu ích cho sinh kế được hình thành như đất đai, sông ngòi, động thực vật...
- (4) *Vốn vật chất*: Bao gồm cơ sở hạ tầng cơ bản và trang thiết bị kỹ thuật hỗ trợ sinh kế.
- (5) *Vốn tài chính*: Biểu thị bằng nguồn tài chính được sử dụng để đạt các mục tiêu sinh kế. Việc sử dụng vốn tài chính được hiểu là bao gồm các dòng chảy của vốn cũng như dự trữ để có thể đóng góp vào tiêu dùng cũng như sử dụng cho chiến lược phát triển sinh kế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bidoup (2018). UNESCO công nhận khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang, Lâm Đồng. Nguồn <http://bidoupnuiba.gov.vn/vi/site-map-bt/> (truy cập ngày 3/9/2018).
- [2] Chambers, R. and Conway, G.R. (1992). *Sustainable Rural Livelihoods: Practical Concepts for the 21st Century*. Discussion Paper 296, Institute of Development Studies. (online), tr. 6
- [3] Cục thống kê tỉnh Lâm Đồng (2019). Thống kê tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Lâm Đồng. NXB Thống kê
- [4] DFID (1999). DFID sustainable livelihoods guidance sheets. Nguồn: <https://www.enonline.net/dfidsustainableliving> (Truy cập 20/4/2021)
- [5] Dữ liệu bảng hỏi (2019). Phân tích dữ liệu khảo sát 200 bảng hỏi của đề tài được thu thập tại cộng đồng ở huyện Lạc Dương và Đam Rông của tỉnh Lâm Đồng.
- [6] Phạm Thanh Thôi (2014). Biến đổi xã hội của người Coho-Chil ở Lâm Đồng. *Tạp chí Phát triển KH&CN*, 17(4).
- [7] Tổng cục Thống kê (2019). Danh mục các dân tộc ở Việt Nam. Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/phuong-phap-luan-thong-ke/danh-muc/cac-dan-toc-viet-nam/> (Truy cập 20/4/2021)
- [8] Tổng cục Thống kê (2020). *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Hà Nội. NXB Thống kê, Biểu 2, tr. 16
- [9] Tư liệu đề tài (2018 và 2019). Nhật ký điền dã và phỏng vấn tại cộng đồng K'ho ở huyện Lạc Dương và Đam Rông của tỉnh Lâm Đồng.
- [10] UBND thị trấn Lạc Dương (2017). Báo cáo tình hình hoạt động của các đội nhóm công chức thị trấn Lạc Dương năm 2017 và phương hướng quản lý hoạt động năm 2018.
- [11] UBND tỉnh Lâm Đồng (2018). Quyết định số 786/QĐ-UBND về việc *Phê duyệt kế hoạch 05 năm (2018-2022) quản lý khu Dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang*. Ban ban hành ngày 27 tháng 4 năm 2018.
- [12] UBND tỉnh Lâm Đồng (2021). Cơ sở hạ tầng. Cổng thông tin điện tử, nguồn: <https://lamdong.gov.vn/HOME/ABOUT/SitePages/co-so-ha-tang.aspx> (truy cập ngày 13/10/2021)
- [13] WCED (1987). *Food: Global Policies for Sustainable Agriculture, a Report of the Advisory Panel on Food Security, Agriculture, Forestry and Environment to the World Commission on Environment and Development*, Zed Books Ltd, London and New Jersey, tr. 2-5